

UBND TỈNH KHÁNH HOÀ
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
LÂM NGHIỆP TRẦM HƯƠNG

Số: 493/LNTH-KT

V/v chào chi phí khai thác, vận
chuyển gỗ ra đến bãi giao và chào
giá mua gỗ tròn tại bãi giao

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Khánh Vĩnh, ngày 08 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Trầm Hương (Công ty) mời các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh Khánh Hòa có chức năng, ngành nghề về khai thác lâm sản; kinh doanh lâm sản nếu quan tâm gửi chào chi phí khai thác, vận chuyển gỗ đến bãi giao; chào giá mua gỗ tròn tại bãi giao theo Phương án số khai thác 19/2025/PA-KTTDRTN khai thác tận dụng gỗ và thực vật rừng ngoài gỗ đối với loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Hồ chứa nước Sông Chò 1.

1. Chào chi phí khai thác và vận chuyển gỗ ra đến bãi giao:

- Tổng chi phí khai thác, vận chuyển đến bãi giao cho toàn bộ sản lượng theo Phương án khai thác; Chi phí khai thác bình quân cho 1m³ (chi tiết theo cấp D<25cm và D≥25cm

Ghi chú: Bãi giao tại thôn Cà Hon, xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa. Cách hiện trường khai thác bình quân (13km).

2. Chào giá mua gỗ tròn tại bãi giao thôn Cà Hon, xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa. Chi tiết sản lượng theo loài gỗ, cấp kính tại Biểu 4c: Tổng sản lượng của từng loài gỗ phân theo cấp kính (đính kèm)

Thư chào chi phí khai thác, vận chuyển gỗ và chào giá mua gỗ gửi trước ngày 14/8/2025 theo địa chỉ: Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Trầm Hương, thôn Bến Khế, xã Bắc Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Mọi thắc mắc liên hệ số điện thoại 02583 6501567.

Thư chào chi phí khai thác, vận chuyển và chào giá mua gỗ của quý doanh nghiệp là cơ sở để Công ty chúng tôi xét chọn thực hiện khai thác và bán gỗ.

(Kèm theo Phương án số khai thác 19/2025/PA-KTTDRTN)

Nơi nhận :

- Như trên;
- Trang Web Công ty
- Lưu VT./.



Lê Văn Trung



TỔNG SẢN LƯỢNG CỦA TỪNG LOÀI GỖ PHÂN THEO CẤP KÍNH

Khảo sát, tận dụng gỗ và thực vật rừng ngoài gỗ đối với loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên trên diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Hồ chứa nước Sông Chò 1

Địa điểm: Khoảng 6,7 tiểu khu 105; Khoảng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9 tiểu khu 109; Khoảng 1, 3, 4, 7 tiểu khu 111; khoảng 1, 2 tiểu khu 117; khoảng 4 tiểu khu 119 xã Khánh Bình và khoảng 3 tiểu khu 124 xã Khánh Hiệp, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa

Biểu 4c

Tên cây	Nhóm	Sản lượng của từng loài gỗ phân theo cấp kính (m3)				Tổng	Ghi chú
		D<25	25-34	35-49	D≥50		
Tổng		911,130	529,476	161,604	33,398	1.635,608	
Sp2	VI	242,724	111,047	22,798		376,569	
Sp3	VII	378,589	220,652	58,607	8,974	666,822	
Dầu trà beng	III	3,888	1,918	1,018	2,031	8,855	
Ươi	V	3,143	0,972			4,115	
Trâm	IV	29,905	14,036	7,852		51,793	
Sp1	IV	45,168	25,893	11,247	1,237	83,545	
Dẻ gai	III	78,173	64,034	35,751	2,739	180,697	
Tô hạp	IV	4,116	6,506			10,622	
Bình linh lông	IV	12,670	10,588	1,131		24,389	
Nhãn rừng	V	2,244	1,536	1,188		4,968	
Re	III	12,264	12,753	1,131	2,378	28,526	
Mít nài	IV	5,768	7,823	0,779		14,370	
Cây	VI	7,637	4,281	6,773	1,654	20,345	
Nhọ nổi	VI	3,869	2,096			5,965	
Tung trắng	VIII	1,529	2,614	0,961	9,677	14,781	
Vùng	V	3,869	2,209			6,078	
Thành ngạnh	III	45,194	19,076	5,895		70,165	
Sao đen	I	7,309	2,130	1,188		10,627	
Bứa núi	VI	3,855	4,152			8,007	
Mò lá nhỏ	IV	0,454				0,454	
Dẻ xanh	III	0,778				0,778	
Gáo	IV	0,677				0,677	
Cám	V	0,269				0,269	
Huỳnh	I	0,660	1,139	1,809		3,608	
Mỏ cua	V	1,349	0,926			2,275	
Lim xẹt	III	2,148	1,702			3,850	
Bằng lăng	III	5,832	4,541	0,866		11,239	
Chò xốt	IV		1,113			1,113	
Bời lời xanh	IV	0,434				0,434	
Gáo vàng	IV				2,545	2,545	
Keo lá tràm	IV	0,975	0,353			1,328	
Chang chang	V	1,343	2,101		2,163	5,607	
Lộc vùng lá to	VI	0,816				0,816	
Sên mủ	II	1,552	0,604			2,156	
Thị rừng	VI	1,266	0,309			1,575	
Công chim	V	0,248	1,930			2,178	
Ké	IV			0,930		0,930	
Kiến kiến	I		0,442			0,442	
Sò đo	IV	0,415		1,680		2,095	